

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 9 - 2023.

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Long.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phan Xuân Thắng, ông Y Yáo Bkrông

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoài Đông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: ông Dương Minh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 242/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/07/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023 ngày 13 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phùng Thị A, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phùng Thị A trình bày:

Bà Phùng Thị A và ông Nguyễn Huy T sau một thời gian tự nguyện tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 28/10/2010. Sau một thời gian chung sống đến năm 2015 thì vợ chồng xảy ra

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống với nhau nhưng thiếu sự tin tưởng, ông T thường xuyên ghen tuông vô cớ làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung bà A và ông T có 02 con chung là Nguyễn Huy Đ, sinh ngày 09/10/2011 và Nguyễn Thảo N, sinh ngày 08/08/2018, nguyện vọng của bà A xin được nuôi cả hai con chung sau ly hôn và không yêu cầu bà ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17 tháng 7 năm 2023, bị đơn ông Nguyễn Huy T thừa nhận thời điểm kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung như nguyên đơn đã trình bày, ông T khai nhận hiện nay mâu thuẫn giữa ông và bà A đã đến mức trầm trọng nên ông T đồng ý ly hôn với bà A.

Về con chung: Nguyện vọng của ông T là xin được quyền nuôi cả hai con chung đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Huy T đã được Tòa án nhân dân huyện Ea Kar tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chỉ làm bản tự khai nộp cho Tòa án. Tòa án nhân dân huyện EaKar đã ban hành các văn bản tố tụng, triệu tập các đương sự để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nhưng bị đơn không tham gia để giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Huy T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bị đơn.

Phản tranh luận: Bà Phùng Thị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho bà A được ly hôn với ông T. Bà A có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Huy Đ và Nguyễn Thảo N cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng tiền nuôi con đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa,

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị A. Cho bà Phùng Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Huy T.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Huy Đ, sinh ngày 09/10/2011 và Nguyễn Thảo N, sinh ngày 08/08/2018 cho bà Phùng Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng bà A không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phùng Thị A có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện EaKar giải quyết việc hôn nhân, con chung đối với ông Nguyễn Huy T, đơn khởi kiện của bà A được Tòa án nhân dân huyện EaKar xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”, được quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện EaKar

Quá trình tố tụng, bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông T theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Huy T và bà Phùng Thị A là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 28/10/2010, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, thiếu sự tin tưởng, tôn trọng nhau trong cuộc sống. Các đương sự đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và đều mong muốn được ly hôn. Vì vậy HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà A được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Bà A, ông T có hai con chung là Nguyễn Huy Đ, sinh ngày 09/10/2011 và Nguyễn Thảo N, sinh ngày 08/08/2018. Các đương sự đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Tại phiên tòa bà Phùng

Thị A khai nhận vợ chồng đã phân chia tài sản chung và cung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã được vợ chồng thỏa thuận chia cho bà A, đây là chỗ ở duy nhất của vợ chồng, sau khi phân chia tài sản thì hiện nay ông T không có chỗ ở ổn định. Nguyên vọng của con chung Nguyễn Huy Đ là muốn được ở với bà A. Đối với Nguyễn Thảo N còn nhỏ nên cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của bà A. Do đó để đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh về tâm, sinh lý, cũng như để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 HĐXX thấy cần giao cả hai con Nguyễn Huy Đ và Nguyễn Thảo N cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung là phù hợp.

Bà A, ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn bà A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phùng Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Huy T.

2. Về con chung:

- Giao con chung Nguyễn Huy Đ, sinh ngày 09/10/2011 và Nguyễn Thảo N, sinh ngày 08/08/2018 cho bà Phùng Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Ông Nguyễn Huy T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Tuy nhiên ông T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phùng Thị A phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng mà bà A đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số AA/2022/0001130 ngày 29/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Phùng Thị A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Huy T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Chi cục T.H.A DS huyện Ea Kar;
- UBND xã E, huyện E.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Long